

ホール搬入リフト
奥行き内寸2800mm x 間口内寸8800mm x 有効高さ2800mm
積載荷重6500kg

(B58/LX 格納 Storage)

B56-57/リアアッパー水平トラス/Rear Cyc Light Truss

B54/(格納 Storage)/黒英国紗 Black Sharktooth Gauze
B53/文字/Black Border
B52/(格納 Storage)/引割幕
B51/黒リアスクリーン/Black BP
B50/白リアスクリーン/White BP
B49/大黒幕/Black Cloth
B48/袖幕/Black Legs
B47/文字/Black Border

B41-42/LXトラス/LX Truss
B40/袖幕/Black Legs
B39/文字/Black Border

B30-33/LXブリッジ3/LX Bridge3

B29/袖幕/Black Legs
B28/文字/Black Border

B18-21/LXブリッジ2/LX Bridge2

B17/袖幕/Black Legs
B16/文字/Black Border

B6-9/LXブリッジ1/LX Bridge1

B5/ウイング/Hard Black Legs
B4/ヘッダー/Hard Black Border

吊り物基本配置表示有り

B1/暗転幕/Black Tabs

- B58
- B57
- B56
- B55
- B54
- B53
- B52
- B51
- B50
- B49
- B48
- B47
- B46
- B45
- B44
- B43
- B42
- B41
- B40
- B39
- B38
- B37
- B36
- B35
- B34
- B33
- B32
- B31
- B30
- B29
- B28
- B27
- B26
- B25
- B24
- B23
- B22
- B21
- B20
- B19
- B18
- B17
- B16
- B15
- B14
- B13
- B12
- B11
- B10
- B9
- B8
- B7
- B6
- B5
- B4
- B3
- B2
- B1

引割線帳

プロセヘッド

プロセLXB

プロセブリッジ

FOHB1

FOHB2

天井反射板

FOHB3

FOHB4

演目名 / Title	
図面名 / Drawing Title	
ホール平面図 Hall Ground Plan	
演出家 / Director	
セットデザイナー / Set Designer	
照明デザイナー / Lighting Designer	
音響デザイナー / Sound Designer	
図面No./Drawing #.	最終訂正日/Revised Date
	2018.07.01
縮尺/Scale	図面作成者/Drawn by
1/100	
神奈川芸術劇場/Kanagawa Arts Theatre PHONE : 045-633-6530 FACSIMILE : 045-633-6529 http://www.kaat.jp	

